TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 6 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thị Đào**

2. Bà **Lâm Thị Tám**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Khải** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38 ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 214/66, ấp L, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin giải quyết mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Phan Hữu C,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 214/66, ấp L, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Phan Hữu C chung sống với nhau vào năm 2002, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến ngày 15/7/2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01 cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003.

Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Phan Hữu C chung sống có hai người con chung là cháu Phan Hữu B, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007. Hiện hai cháu đang sống chung với cha mẹ của anh Phan Hữu C.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị Mỹ A xác định không có.

Do trong thời gian chung sống, anh Phan Hữu C không lo làm ăn, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Nguyên nhân chính là do anh có người phụ nữ khác bên ngoài chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không từ bỏ, từ đó chị thấy sống không hạnh phúc nên chị A và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân, thì chị A và anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại.

Nay chị Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hữu C. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hữu B, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007. Chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu anh Phan Hữu C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A thì anh Phan Hữu C đã được Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Phan Hữu C đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh C không đến, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và Tòa án cũng không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh Phan Hữu C đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Mỹ A cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A đối với anh Phan Hữu C. Về con chung, giao cháu Phan Hữu B, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Mỹ A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Phan Hữu C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Mỹ A không có yêu cầu; anh Phan Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ A khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Phan Hữu C và hiện nay anh Phan Hữu C cư trú tại số 214/66, ấp L, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phan Hữu C đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phan Hữu C vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Phan Hữu C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Phan Hữu C vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phan Hữu C.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Phan Hữu C chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01 cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Phan Hữu C sống hạnh phúc được hơn mười năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Phan Hữu C thiếu quan tâm đến gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến cuộc sống của gia đình thường xuyên cải vã với nhau làm cho gia đình không được đầm ấm, từ chổ anh C sống thiếu thủy chung với chị A nên anh C thiếu trách nhiệm trong xây dựng hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Chính từ những mâu thuẫn trên dẫn đến vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Phan Hữu C cũng biết được việc chị Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu ly hôn đối với anh, nhưng anh C không có thiện chí hàn gắn lại nên anh C không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng . Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Phan Hữu C, hai người sống ly thân và không còn tới lui với nhau từ tháng 02/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A đối với anh Phan Hữu C là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hữu B, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 20/5/2019 cháu Phan Hữu B và cháu Phan Hữu N có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Mỹ A, khi cha, mẹ ly hôn. Hiện tại, chị Nguyễn Thị Mỹ A đang làm công nhân tại Công ty Minh Hồ ở thành phố với thu nhập ổn định đủ chi phí lo cuộc sống và nuôi con, nên cần thiết giao cháu Phan Hữu B và cháu Phan Hữu N cho chị Nguyễn Thị Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đúng pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu anh Phan Hữu C phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Phan Hữu C có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A xác định chị A và anh C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh C không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Thị Mỹ A phải nộp 300.000 đồng; chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005517 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A đối với anh Phan Hữu C. Cho Chị Nguyễn Thị Mỹ A ly hôn với anh Phan Hữu C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hữu B sinh ngày 12 tháng 11 năm 2003 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Mỹ A trực

tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu anh Phan Hữu C phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Phan Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Thị Mỹ A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005517 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND tt M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út